TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2991/2024/DS-ST
Ngày: 10/7/2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Khắc Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương;

2. Ông Huỳnh Tiến Dũng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Hoàng Quân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa*:** Bà Trịnh Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 1917/2023/DSST ngày 15/11/2023, về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4120/2024/QĐST-DS ngày 12/6/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ

Trụ sở: Số B, N, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị L, Nguyễn Thị Thu H và Trần Đức N (*theo giấy ủy quyền ngày ngày 25/8/2023*). (xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Đinh Minh Q, sinh năm 1991; CCCD: 075091000456

Địa chỉ: Số B, đường B, khu nhà ở L, Khu phố F, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định: Ngày 05/4/2022, ông Đinh Minh Q có ký với Ngân hàng TMCP Đ (*gọi tắt là Ngân hàng*) Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 0503 (*bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng*), hạn mức sử dụng thẻ

là 50.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất 25%/năm và khoản vay trả góp tiêu dùng với số tiền 450.000.000 đồng, thời hạn 60 tháng, trả góp với lãi suất 16%/năm.

Sau khi cấp thẻ tín dụng, khách hàng đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền thẻ tín dụng là 50.000.000 đồng, đã thanh toán cho ngân hàng một phần tiền vốn nhưng từ ngày 21/12/2022 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của khách hàng.

Đối với khoản vay tiêu dùng khách hàng được giải ngân số tiền 450.000.000 đồng vào ngày 08/4/2022, khách hàng đã thanh toán được một phần tiền vốn nhưng từ ngày 20/10/2022 vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 10/7/2024 là 639.982.630 đồng, bao gồm:

- Nợ thẻ tín dụng: 95.359.240 đồng, bao gồm: số tiền gốc: 49.792.400 đồng, nợ lãi 23.904.551 đồng, phí: 21.662.289 đồng;

- Nợ vay tiêu dùng trả góp: 544.623.390 đồng, bao gồm: số tiền gốc: 397.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 103.590.038 đồng, lãi trên gốc quá hạn: 33.942.985 đồng, lãi chậm trả trên lãi trong hạn: 9.590.367 đồng.

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến tòa để làm việc, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tụng tố tụng: Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hợp đồng tín dụng thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung: Xét về hình thức Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 0503 ngày 05/4/2022 giữa Ngân hàng và khách hàng được lập bằng văn bản và xác lập hoàn toàn tự nguyện là phù hợp với quy định của pháp luật.

Theo nội dung các hợp đồng, khách hàng được cấp hạn mức sử dụng thẻ là 50.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất 25%/năm và khoản vay trả góp tiêu dùng với số tiền 450.000.000 đồng, thời hạn 60 tháng, trả góp với lãi suất 16%/năm. Sau khi được giải ngân số tiền thẻ tín dụng là 50.000.000 đồng, đã thanh toán cho ngân hàng một phần tiền vốn nhưng từ ngày 21/12/2022 vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Đối với khoản vay tiêu dùng khách hàng được giải ngân số tiền 450.000.000 đồng vào ngày 08/4/2022, khách hàng đã thanh toán được một phần tiền vốn nhưng từ ngày 20/10/2022 vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 10/7/2024 là 639.982.630 đồng, bao gồm: Nợ thẻ tín dụng: 95.359.240 đồng, bao gồm: số tiền gốc: 49.792.400 đồng, nợ lãi 23.904.551 đồng, phí: 21.662.289 đồng; Nợ vay tiêu dùng trả góp: 544.623.390 đồng, bao gồm: số tiền gốc: 397.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 103.590.038 đồng, lãi trên gốc quá hạn: 33.942.985 đồng, lãi chậm trả trên lãi trong hạn: 9.590.367 đồng.

Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vốn và lãi nên khách hàng phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi. Tiếp tục tính lãi phát sinh sau ngày 11/7/2024 cho đến khi tất toán xong khoản nợ vay. Lãi suất tiêu dùng áp dụng đối với các hợp đồng hai bên thỏa thuận là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Do bị đơn không đến Tòa án tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không gửi văn bản hay giao nộp tài liệu chứng cứ liên quan đến giao dịch vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để xác định bị đơn có vay tiền và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H1 lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đối với ông Đinh Minh Q.

Buộc ông Đinh Minh Q phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền tính đến ngày 10/7/2024 là 639.982.630 đồng, bao gồm: Nợ thẻ tín dụng: 95.359.240 đồng, bao gồm: số tiền gốc: 49.792.400 đồng, nợ lãi 23.904.551 đồng, phí: 21.662.289 đồng; Nợ vay tiêu dùng trả góp: 544.623.390 đồng, bao gồm: số tiền gốc: 397.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 103.590.038 đồng, lãi trên gốc quá hạn: 33.942.985 đồng, lãi chậm trả trên lãi trong hạn: 9.590.367 đồng.

Kể từ ngày 11/7/2024, ông Đinh Minh Q còn phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tiền lãi quá hạn phát sinh trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn quy định tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 29.599.305 đồng buộc ông Đinh Minh Q chịu. Ngân hàng thương mại cổ phần Đ được nhận lại tiền tạm ứng án phí 12.616.646 đồng, theo biên lai số 0000640 ngày 14/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP . HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP . HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Khắc Hưng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA